TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/DS-ST
Ngày 21-11-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quan Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bùi Thanh Hùng.

2. Bà Trần Kim Anh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 220/2019/TLST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2019, về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2019/QĐXXST-DS ngày 22/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2019/QĐST-DS, ngày 07/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 201, ấp KN, xã TKĐ, Thành phố S, tỉnh ĐT. Bà Nguyễn Thị U có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn S, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Số 174, ấp KMA, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT. Ông Hà Văn S vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hà Thị B, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 574, ấp KM, xã Tân K, huyện L, tỉnh Đ. Bà Hà Thị B có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị U trình bày:

Vào ngày 24/6/2017 âm lịch (Tháng 6 sau) ông Hà Văn S có thế chấp cho bà Nguyễn Thị U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 129201 cấp ngày 05/9/2012 do ông Hà Văn S đại diện hộ đứng tên để vay số tiền 80.000.000 đồng, khi vay ông S có lăn tay vào tờ hợp đồng vay tiền cho bà U và có bà Hà Thị B là em ruột của ông S ký tên và ghi họ tên vào tờ hợp đồng vay với tư cách là người làm chứng, vay với lãi thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là khi nào lấy lại tiền thì bà U báo trước cho ông S một tháng. Từ khi vay đến nay ông S không đóng lãi và trả vốn cho bà U được đồng nào.

Nay bà U yêu cầu ông S hoàn trả cho bà U vốn vay là 80.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 24/6/2017 âm lịch (Tháng 6 sau) đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng. Đồng ý trả lại cho ông S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 129201 cấp ngày 05/9/2012 do ông Hà Văn S đại diện hộ đứng tên.

Đối với việc ông S và bà B cho rằng tại tờ hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2017 âm lịch mà ông S và bà B ký cho bà U số tiền 80.000.000 đồng. Trong đó, có 11.000.000 đồng vốn và 69.000.000 đồng tiền lãi. Đồng thời, ông S và bà B cho rằng số tiền nói trên là do bà B vay, ông S là người bảo lãnh là không đúng, số tiền trên là do ông S vay, ông S là người trực tiếp nhận tiền của bà U tại nhà ông S, không liên quan gì với bà B. Nay bà U chỉ yêu cầu ông S trả, không yêu cầu bà B liên đới trả.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày14/8/2019 của Tòa án bị đơn ông Hà Văn S trình bày: Ông Hà Văn S là anh ruột của bà Hà Thị B. Vào tháng 6/2017 âm lịch, ông S có thế chấp cho bà Nguyễn Thị U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay cho bà B số tiền 11.000.000 đồng. Lúc vay tiền bà U có viết một tờ hợp đồng vay tiền buộc ông S và bà B ký tên vào, ông S biết chữ, nhưng bị bệnh tai biến không ký tên được, nên lăn tay vào tờ hợp đồng vay tiền. Do từ ngày vay đến nay lâu quá, ông S không nhớ trong hợp đồng vay ghi số tiền vay là bao nhiêu. Nay ông S không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của bà U, vì số tiền trên ông S vay dùm cho bà B, bà B phải có trách nhiệm trả cho bà U.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Thị B trình bày: Vào năm 2014, bà Hà Thị B có nhờ ông Hà Văn S bảo lãnh cho bà B để vay tiền của bà Nguyễn Thị U 8.000.000 đồng, được ông S đồng ý. Nên vào ngày 24/9/2014 âm lịch, bà B và ông S có đến nhà bà U hỏi vay của bà U 8.000.000 đồng, khi vay ông S có thế chấp cho bà U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 129201 cấp ngày 05/9/2012 do ông Hà Văn S đại diện hộ đứng tên và ông S có ký tên vào tờ hợp đồng cho vay tiền cho bà U, vay lãi thỏa thuận là 50.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, ông S là người nhận tiền trực tiếp với bà U, sau đó ông S giao tiền lại cho bà B. Sau khi vay hàng tháng bà B là người trực tiếp trả tiền lãi cho bà U. Sau đó vào ngày tháng năm nào không nhớ bà B có nhờ ông S vay tiếp của bà U cho bà B thêm 3.000.000 đồng, khi vay ông S có làm biên nhận cho bà U. Tuy nhiên, bà B là người trực tiếp nhận 3.000.000 đồng nói trên từ bà U, lãi suất vay lần này cũng giống với lần vay trước. Sau khi vay bà B có trả lãi cho bà U, nhưng trả được bao nhiêu không nhớ, rồi ngưng đóng lãi và trả vốn cho bà U.

Đến ngày 24/6/2017 âm lịch, bà U có đến nhà ông S, tại nhà anh S có bà B và bà U, giữa bà B, ông S, bà U có quyết toán với nhau tiền vốn vay còn nợ là 11.000.000 đồng, bà U kê tiền lãi lên tính đến ngày 24/6/2017 âm lịch là 69.000.000 đồng. Bà U viết sẵn tờ hợp đồng vay tiền với số tiền 80.000.000 đồng và buộc bà B và ông S ký tên vào tờ hợp đồng vay tiền với số tiền là 80.000.000 đồng, bà B có ký tên vào tờ hợp đồng vay tiền nói trên, ông S thì lăn tay. Lúc bà B và ông S ký tên và lăn tay vào tờ hợp đồng vay tiền, bà B và ông S có xem qua nội dung biên nhận nợ. Số tiền 80.000.000 đồng trong hợp đồng vay tiền là đúng với số tiền mà bà B, bà U, ông S thỏa thuận. Tờ hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2017 âm lịch mà bà U cung cấp cho Tòa án là do bà B ký tên, ghi họ tên và ông S thì lăn tay.

Trước đây tại tờ hợp đồng vay tiền ngày 24/9/2014 ông S ký tên và ghi họ tên, còn tờ hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2017 âm lịch thì ông S lăn tay. Vì năm 2014 ông S chưa bị bệnh tai biến nên còn ký tên và ghi họ tên được, còn tờ hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2017 âm lịch thì lúc này ông S bị bệnh tai biến, tay chân bị rung không cầm viết ký tên và ghi họ tên được nên phải lăn tay.

Bà B xác định là bà B không có chứng cứ gì để chứng minh rằng số tiền 80.000.000 đồng, trong đó có 11.000.000 đồng vốn và tiền lãi là 69.000.000 đồng.

Số tiền vay của bà U là do bà B vay, ông S không có sử dụng tiền vay nay. Nay bà B đồng ý trả cho bà U tiền theo tờ hợp đồng cho vay tiền là 80.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi, vì số tiền 80.000.000 đồng đã có kê tiền lãi trong đó và cũng không yêu cầu ông S liên đới cùng bà B trả.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc Hà Văn S hoàn trả cho bà Nguyễn Thị U vốn và lãi là 98.060.000 đồng (Chín mươi tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu ông Hà Văn S trả lại vốn vay 80.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 15/8/2017 đến ngày 21/11/2019 là 18.060.000 đồng là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại số 174, ấp KMA, xã TKT, huyện LV, tỉnh ĐT. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3, Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy vào ngày 15/8/2017 (Nhằm ngày 24/6/2017 âm lịch) ông S có thế chấp cho bà U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 129201 cấp ngày 05/9/2012 do ông Hà Văn S đại diện hộ đứng tên để vay số tiền 80.000.000 đồng, khi vay ông S có lăn tay vào tờ hợp đồng vay tiền cho bà U và có bà Hà Thị B là em ruột của ông S ký tên và ghi họ tên vào tờ hợp đồng vay với tư cách là người làm chứng, vay với lãi thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là khi nào lấy lại tiền thì bà U báo trước cho ông S một tháng, sau khi vay đến nay ông S không trả vốn và lãi cho bà U là có thật.

Cơ sở để chứng minh cho việc ông S có vay của bà U vốn vay 80.000.000 đồng là giấy hợp đồng vay tiền ghi ngày 24/6/2017 (Tháng 6 sau) âm lịch (Nhằm ngày 15/8/2017 dương lịch) và tại biên nhận có bà Hà Thị B ký tên chứng kiến.

[2.2] Trong quá trình tố tụng tại biên bản lấy lời khai ngày 14/8/2019 của Tòa án ông S thừa nhận có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S để vay tiền của bà U và giấy hợp đồng vay tiền ghi ngày 24/6/2017 âm lịch là do ông S lăn tay, đồng thời tại phiên tòa bà B cũng thừa nhận giấy hợp đồng vay tiền ghi ngày 24/6/2017 âm lịch do ông S lăn tay và bà B ký tên trong giấy hợp đồng vay tiền. Như vậy, giữa bà U với ông S đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản nên làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa bên cho vay, bên vay theo quy định tại Điều 463, 465, 466, 469 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông S đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay cho bà U.

Nay bà U yêu cầu ông S trả cho bà U vốn vay là 80.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 15/8/2017 đến ngày xét xử với lãi suất 0,83%/tháng. Đồng ý trả lại cho ông S bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 129201 cấp ngày 05/9/2012 do ông Hà Văn S đại diện hộ đứng tên, lời trình bày và yêu cầu này của bà U là có cơ sở được chấp nhận.

[2.3] Đối với việc ông S cho rằng ông S chỉ vay của bà U 11.000.000 đồng chứ không phải vay số tiền 80.000.000 đồng như bà U trình bày và tiền vay này ông S vay cho bà B, nên bà B có trách nhiệm trả tiền vay cho bà U. Lời trình bày và yêu cầu này của ông S không được bà U thừa nhận và ông S cũng không có chứng cứ gì để chứng minh rằng số tiền vay này là 11.000.000 đồng trong khi đó tại giấy hợp đồng vay tiền ghi ngày 24/6/2017 âm lịch đã thể hiện số tiền vay là 80.000.000 đồng. Nên lời trình bày và yêu cầu của ông S không được chấp nhận.

[2.4] Đối với bà Hà Thị B cho rằng vào năm 2014 bà B nhờ ông S vay dùm của bà U số tiền tổng cộng là 11.000.000 đồng, sau khi vay bà B, ông S không đóng lãi đầy đủ nên đến ngày 24/6/2017 âm lịch bà U kê tiền lãi lên là 69.000.000 đồng cộng với 11.000.000 đồng tiền vốn thành 80.000.000 đồng và buộc ông S và bà B lăn tay và ký tên vào giấy hợp đồng vay tiền. Nay bà B đồng ý trả cho bà U vốn vay 80.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Mặc dù bà B đồng ý trả cho bà U vốn vay 80.000.000 đồng, nhưng bà U không đồng ý, bà B không có chứng cứ để chứng minh rằng số tiền trên là do bà B vay. Nên lời trình bày và yêu cầu này của bà B không phù hợp pháp luật, không được chấp nhận.

[2.5] Tại giấy hợp đồng vay tiền ngày 24/6/2017 âm lịch có ghi lãi thỏa thuận là 3%/tháng sau khi vay ông S không đóng lãi cho bà U. Nay bà U yêu cầu ông S trả lãi theo lãi suất 0,83%/tháng đối với vốn vay 80.000.000 đồng tính từ ngày 15/8/2017 (Nhằm ngày 24/6/2017 âm lịch) đến ngày 21/11/2019 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật được chấp nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U, buộc Hà Văn S có nghĩa vụ trả cho bà U vốn vay 80.000.000 đồng và lãi theo lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 15/8/2017 đến ngày xét xử là ngày 21/11/2019 lãi suất được tính cụ thể như sau:

* Vốn vay 80.000.000 đồng tính từ ngày 15/8/2017 đến 21/11/2019 là 27 tháng 06 ngày.

Lãi theo lãi suất 0,83%/tháng: (80.000.000 đồng x 0,83%) x 27 tháng + (06 ngày x 22.000 đồng) = 18.060.000 đồng.

Vậy tiền lãi ông S phải trả cho bà U là: 18.060.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của bà U buộc ông S trả tiền vay còn nợ cho bà U nên ông S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U đối với ông Hà Văn S.

2. Buộc ông Hà Văn S có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị U vốn vay là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) và lãi là 18.060.000 đồng (Mười tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 98.060.000 đồng (Chín mươi tám triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyết định chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc bà Nguyễn Thị U trả lại cho ông Hà Văn S bản chính giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số bìa BH129201, số vào sổ cấp GCN: CH05201 do Ủy ban nhân dân huyện Lấp Vò cấp ngày 05/9/2012 cho hộ ông Hà Văn S.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Hà Văn S nộp 4.903.000đồng (Bốn triệu chín trăm lẻ ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị U không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà U tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số BH/2017/0002997 ngày 29/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

5. Án xử công khai các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tống đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Huyện;
- VKSND Huyện;
- TAND Tỉnh;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Quan Nam